TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày 15 - 7 - 2019
V/v tranh chấp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2019, về việc tranh chấp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Tuyết M, sinh năm 1964 (Có mặt).

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

- *Bị đơn:*

Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị Q (Nguyễn Thị Q1), sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Khóm B, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 4 năm 2019 cùng các văn bản khác kèm theo, nguyên đơn là bà Phan Tuyết M trình bày:

Vào ngày 02/6/2015 bà (Phan Tuyết M) có mở dây hụi 2.000.000 đồng gồm 40 phần, mỗi tháng khui hụi một lần. Vợ chồng ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị Q (tên thường gọi Q1) tham gia 01 phần, đóng được 15 lần đến ngày 02/9/2016 vợ chồng ông P, bà Q bỏ hụi hốt. Qua đối trừ, bà giao đủ số tiền 60.200.000 đồng cho bà Q. Sau khi lĩnh hụi xong thì vợ chồng ông P, bà Q vẫn đóng hụi chết bình thường. Đến tháng 7/2018 hụi diễn biến còn 03 lần là kết

thúc thì vợ chồng ông P, bà Q không đóng hụi. Đối với dây hụi này bị đơn còn nợ lại bà số tiền là 6.000.000 đồng.

Vào ngày 02/8/2016 bà có mở dây hụi 3.000.000 đồng gồm 40 phần, mỗi tháng khui hụi một lần. Vợ chồng ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị Q (tên thường gọi Q1) tham gia 01 phần, đóng được 09 lần. Sau đó bỏ hụi hốt, qua đối trừ, bà giao đủ số tiền 90.450.000 đồng cho bà Q. Sau khi lĩnh hụi xong thì vợ chồng ông P, bà Q vẫn đóng hụi chết tiếp tục được 13 lần. Còn lại 13 lần chưa đóng, cụ thể 13 lần x 3.000.000 đồng = 39.000.000 đồng. Đối với dây hụi này bị đơn còn nợ lại bà số tiền là 39.000.000 đồng. Hụi đến khi kết thúc là tháng 11/2019 còn lại 04 lần x 3.000.000 đồng = 12.000.000 đồng.

Như vậy, vợ chồng ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị Q còn nợ bà tổng số tiền hụi là 45.000.000 đồng. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị Q trả lại cho bà. Nay, bà thay đổi một phần nội dụng yêu cầu khởi kiện là yêu cầu vợ chồng ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị Q còn nợ bà tổng số tiền hụi là 45.000.000 đồng.

Bị đơn ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, không có ý kiến về nội dung khởi kiện của bà Phan Tuyết M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Tuyết M khởi kiện ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị Q yêu cầu trả tiền hụi tham gia còn nợ nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ông Đỗ Văn P, bà Nguyễn Thị Q được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Đỗ Văn P, bà Nguyễn Thị Q.

[2]. Xét về nội dung: Tại biên nhận ngày 14/9/2016, bà Nguyễn Thị Q (Nguyễn Thị Q1) xác định có hốt hụi hùn vốn của bà Mai, hụi 2 triệu đồng dây 3 gồm 40 phần, bà hốt hụi bà Mai giao đủ số tiền là 60.200.000 đồng. Cũng tại biên nhận ngày 16/5/2017, bà Q xác định có hốt hụi hùn vốn của bà Mai, hụi 3 triệu đồng dây 1 gồm 40 phần, bà hốt hụi bà Mai giao đủ số tiền là 90.450.000 đồng. Tất cả các lần bỏ hụi và lĩnh hụi, bà Q đều có tự viết và ký tên vào các biên nhận (cùng đề họ và tên là Nguyễn Thị Q1). Bà Mai khẳng định dây hụi 2.000.000 đồng vợ chồng ông P, bà Q tham gia đã kết thúc. Đối với dây hụi 2.000.000 đồng mở vào ngày 02/6/2015, sau khi lĩnh hụi thì vợ chồng ông P, bà Q vẫn đóng hụi chết bình thường. Đến tháng 7/2018 hụi diễn biến còn 03 lần là kết thúc thì vợ chồng ông P, bà Q không đóng hụi, còn nợ lại bà số tiền là 6.000.000 đồng. Đối với dây hụi 3.000.000 đồng mở vào ngày 02/8/2016. Sau khi lĩnh hụi xong thì vợ chồng ông P, bà Q vẫn đóng hụi chết tiếp tục được 13 lần. Còn lại 17 lần chưa đóng, cụ thể 17 lần x 3.000.000 đồng = 51.000.000 đồng. Dây hụi 3.000.000 đồng này tính đến

tháng 11/2019 mới kết thúc. Như vậy, vợ chồng ông P, bà Q còn nợ lại tổng số tiền của hai dây hụi là 57.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Mai thay đổi một phần nội dung khởi kiện là quá trình khởi kiện, bà nghĩ khi khởi kiện kiện thì khởi kiện phần hụi chết của bị đơn tham gia cho đến khi mãn. Tuy nhiên, qua giải thích của Hội đồng xét xử, bà xác định dây hụi 3.000.000 đồng diễn biến đến thời điểm xét xử là vợ chồng ông P, bà Q chưa nộp hụi chết là 13 lần x 3.000.000 đồng = 39.000.000 đồng. Đến khi kết thúc là vào tháng 11/2019 thì còn 04 lần x 3.000.000 đồng = 12.000.000 đồng. Do đó, bà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét phần hụi chết dây 3.000.000 đồng của vợ chồng ông P, bà Q đến thời điểm tháng 7/2019 là 13 lần x 3.000.000 đồng = 39.000.000 đồng. Tổng phần nợ của cả hai dây hụi là 45.000.000 đồng.

Do bà Mai làm chủ hụi và đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ đối với hụi viên do các dây hụi đều đã kết thúc. Do đó, có đủ cơ sở xác định vợ chồng ông P, bà Q còn nợ tiền hụi của bà Mai, việc bà Mai khởi kiện vợ chồng ông P, bà Q để yêu cầu trả lại tổng số tiền hụi còn nợ là 45.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Đối với các lần hụi diễn biến tiếp theo của dây hụi 3.000.000 đồng còn lại 4 lần tương ứng với số tiền 12.000.000 đồng bà sẽ khởi kiện bị đơn sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Phan Tuyết M không phải chịu, bà Mai được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí khi bản án có hiệu lực pháp luật; ông Đỗ Văn P, bà Nguyễn Thị Q phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Tuyết M. Buộc ông Đỗ Văn P, bà Nguyễn Thị Q (Nguyễn Thị Q1) cùng chịu trách nhiệm trả cho bà Phan Tuyết M số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1 Bà Phan Tuyết M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Phan Tuyết M đã nộp tiền tạm ứng án phí là 1.425.000 đồng (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019118 ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Bà Phan Tuyết M được nhận lại số tiền đã nộp nêu trên khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Buộc ông Đỗ Văn P và bà Nguyễn Thị Q (Q1) có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước